TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **587**/2024/HS-ST
Ngày: 31/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 551/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2024/QĐXXST-HS ngày 16/10/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1998; tại Đồng Nai; HKTT: Tổ C, ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Tổ A, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa điện lạnh; Chức vụ: không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B; Sống chung như vợ chồng với chị Phan Thị Thu H1, có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 BLHS. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 16/12/2020, đã được xóa án tích.

Ngày 03/3/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố bị can về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 BLHS. Ngày 03/5/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và đình chỉ điều tra

bị can đối với H, do bị hại rút yêu cầu khởi tố.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Anh Trịnh Khắc L1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số B, tổ C, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số E, đường N, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Lê Thị H2, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số G, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường H, tổ B, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Chí B1, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Tổ I, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 22/3/2024, Nguyễn Minh H điều khiển xe mô tô biển số 60B2-146.xx cùng anh Nguyễn Chí B1 (sinh năm 1999, thường trú tại tổ G, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là bạn của H) đến quán ăn "H" trên đường H, thuộc khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Lê Thị H2 (sinh năm 1991, thường trú tại 7 khu phố E, phường L, thành phố B) làm chủ để ăn uống.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H gọi chị H2 ra thanh toán tiền nhậu. Trong lúc chị H2 ngồi tại bàn của H, H có lời nói chọc ghẹo và dùng tay đánh vào đùi chị H2. Lúc này, Trịnh Khắc L1 (tên gọi khác là K, sinh năm 1993, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, là bạn trai của chị H2) đang ngồi ăn cơm ở bàn phía ngoài lề đường quán ăn (gần bàn của H) nhìn thấy sự việc. Anh L2 đi tới yêu cầu H xin lỗi chị H2 nên giữa H và L2 xảy ra mâu thuẫn cãi vã thì được anh B1, chị H2 can ngăn. Anh L2 quay lại bàn ăn cơm và nói H say rồi thì đi về. H đi lại xe mô tô lấy mũ bảo hiểm đội và chuẩn bị đi về. Thấy vậy, anh L2 kéo chiếc ghế nhựa phía sau đuôi xe mô tô của L2 gọn sang một bên để H lùi xe ra. Tuy nhiên, do bực tức vì bị anh L2 bắt xin lỗi nên H lấy 01 chiếc kéo màu trắng bạc dài khoảng 19cm từ trong chiếc túi xách đựng đô nghề sửa chữa điện lạnh treo ở gác ba ga xe mô tô của H3, rồi cầm kéo bằng tay phải lao đến đâm 01 nhát trúng vào vùng trán trái (phía trên lông mày). Bị đánh, anh L2 lao vào dùng tay đánh lại H. Trong lúc H và anh L2 ôm giằng co đánh nhau thì H tiếp tục dùng kéo đâm 04

nhát trúng vào vùng cổ bên trái, vai, lưng và hông anh L2 gây thương tích, anh L2 ôm vật H tế ngã nằm ngửa dưới nền đất. Lúc này, anh B1 ôm giữ kéo L2 ra, chị H2 giật lại chiếc kéo của H và một số người dân gần đó vào can ngăn. H bỏ chạy để lại xe mô tô biển số 60B2-146.xx tại hiện trường. Anh L2 được chị H2 đưa đến Bệnh viện Đ điều trị thương tích.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ tại hiện trường 01 cây kéo màu trắng bạc dài 19cm Nguyễn Minh H sử dụng đâm anh Trịnh Khắc L1.

- 01 xe mô tô Honda WaveS 110, biển số 60B2-146.xx Hưng bỏ lại tại hiện trường. Qua xác minh là xe của ông Phan Phước H4 (sinh năm 1970, thường trú tại tổ C, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai) cho chị Phan Thị Thu H1 (sinh năm 1998, con gái ông H4, sống chung như vợ chồng với H) mượn làm phương tiện đi lại. Do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe mô tô cho ông H4.

- 01 USB bên trong chứa 01 video ghi lại hình ảnh diễn biến vụ án (Tài liệu lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0293/KLTTCTTTPYĐN ngày 02/4/2024 của Giám định viên Trung tâm pháp y Sở Y đã kết luận thương tích của anh Trịnh Khắc L1 như sau:

- Vết thương trán trái ngoài chân tóc kích thước 1,5cm x 0,2cm. Tỷ lệ 03%.

- Vết thương trán cung mày trái không thẳng hàng tổng kích thước 6,5x0,2cm. Tỷ lệ 06%.

- Vết thương vùng cổ bên trái kích thước 1,5x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

- Vết thương mặt sau vai phải kích thước 02x0,2cm. Tỷ lệ 01%.

- Vết thương ngực phải (vùng lưng bên phải) kích thước 02x0,2cm. Tỷ lệ 01%.

- Vết thương gần cột sống thắt lưng kích thước 02x0,2cm. Tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trịnh Khắc L1 tại thời điểm giám định là 13%, áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật gây thương tích: Vật sắc hoặc sắc nhọn.

Trách nhiệm dân sự: anh Trịnh Khắc L1 yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bị cáo chưa bồi thường

Tại Cáo trạng số: 544/CT-VKSBH ngày 19/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Nguyễn Minh H về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i, khoản 1, điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Nguyễn Minh H mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến

03 năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/3/2024, tại quán ăn "H" trên đường H, thuộc khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai xuất phát từ việc Nguyễn Minh H có hành vi dùng tay đánh vào đùi chị Lê Thị H2 và bị anh Trịnh Khắc L1 (bạn trai chị H2) yêu cầu xin lỗi nên giữa H và anh L1 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến xô xát đánh nhau. H có hành vi sử dụng 01 chiếc kéo dài khoảng 19cm đâm 05 nhát trúng vào vùng trán trái, vùng cổ bên trái, vai, lưng và hông anh L1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh H đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, bị cáo đã sử dụng kéo là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 13% nên thuộc tình tiết quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý hình sự về tội "Cố ý gây thương tích" không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, nay lại tiếp tục có hành vi phạm tội "Cố ý gây thương tích". Do vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: không.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Trịnh Khắc L1 yêu cầu bị cáo bồi thường các chi phí: Chi phí chữa trị 2.000.000đ; chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 8.000.000đ; thiệt hại do tổn thất tinh thần, danh dự 25.000.000đ; thiệt hại do tổn hại sức khỏe 40.000.000đ; thiệt hại thu nhập thực tế bị mất 01 tháng 20 ngày số tiền 20.000.000đ; chi phí cho người chăm sóc 5.000.000đ; tổng cộng 100.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền này, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. HĐXX xét yêu cầu bồi thường của bị hại như sau:

- Về chi phí khám chữa bệnh: Anh L2 bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13%, được điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ với chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ số tiền 2.077.096đ là chi phí hợp lý cho việc chữa bệnh nên anh L2 yêu cầu bị cáo thanh toán chi phí chữa trị 2.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

- Về chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe sau thương tích: Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm: ... b) Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án; c) Chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là các chi phí cho việc phục hồi, hỗ trợ, thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại.* Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết quy định: *Ngày lương tối thiểu vùng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định chia cho 26 ngày*. Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: *Mức lương tối thiểu Vùng I là 4.960.000đ/tháng*. Anh L2 bị thương tích nhập viện ngày 22/3/2024, ra viện ngày 25/3/2024, sau khi xuất viện chỉ định nghỉ 05 ngày (từ ngày 26/3/2024 đến hết ngày 30/3/2024) nên chấp nhận chi phí bồi dưỡng sức

khỏe, chi phí phục hồi sức khỏe số tiền 4.960.000đ/26 ngày x 9 ngày = 1.716.923đ.

- Về thiệt hại do tổn thất tinh thần, danh dự: Anh L2 bị đa vết thương ở vùng trán, cổ, vai, ngực, vết thương gần cột sống với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13% nên HĐXX chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần bằng 15 lần mức lương cơ sở số tiền 35.100.000đ (=2.340.000đ x 15). Anh L2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000đ là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn hại về sức khỏe do sức khỏe suy giảm, các vết thương để lại sẹo lồi gây mất thẩm mỹ: không có hóa đơn, chứng từ, không có chỉ định điều trị, không có cơ sở nên không chấp nhận.

- Về thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại: Anh L2 bị thương tích và phải điều trị từ ngày 22/3/2024, ra viện ngày 25/3/2024, sau khi xuất viện chỉ định nghỉ 05 ngày (từ ngày 26/3/2024 đến hết ngày 30/3/2024). Như vậy những ngày anh L2 không lao động, mất thu nhập là 09 ngày. Anh L2 khai làm nghề sửa điện thoại, thu nhập 10-15 triệu/tháng (trung bình 13.000.000đ) và cung cấp giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế nên HĐXX chấp nhận yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất số tiền 13.000.000đ/26 ngày x 9 ngày = 4.500.000đ.

- Về chi phí cho người chăm sóc: anh L2 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị bao gồm: tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ nên không có cơ sở chấp nhận. HĐXX chấp nhận yêu cầu thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị số tiền 4.960.000đ/26 ngày x 9 ngày = 1.716.923đ.

Vậy tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh L2 là: **34.933.846đ** (Ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cây kéo màu trắng bạc dài 19cm Nguyễn Minh H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô Honda WaveS 110, biển số 60B2-146.xx Qua xác minh là xe của ông Phan Phước H4 (sinh năm 1970, thường trú tại tổ C, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai) cho chị Phan Thị Thu H1 (sinh năm 1998, con gái ông H4, sống chung như vợ chồng với H) mượn làm phương tiện đi lại. Do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe mô tô cho ông H4 là phù hợp.

[5] Về án phí HSST và án phí DSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.746.693đ (= 5% x 34.933.xx6đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H **03 (ba) năm tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày 24/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải bồi thường cho anh Trịnh Khắc L1 số tiền **34.933.846đ** (Ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo màu trắng bạc dài 19cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.746.693đ (một triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy